

**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học  
của Trường Đại học Hùng Vương

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Hùng Vương được ban hành kèm theo Nghị quyết 02/NQ-HĐT ngày 28/6/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hùng Vương;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Hùng Vương;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này *Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Hùng Vương*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho công tác tuyển sinh đại học chính quy, đại học liên thông (VLVH) của Trường Đại học Hùng Vương.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HT, các PHT, CT HĐT;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



Hoàng Công Kiên

**QUY CHẾ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC**  
(*Ban hành kèm theo Quyết định số: 106 /QĐ-DHHV*  
*ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương*)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh đại học cho các hình thức đào tạo chính quy (CQ), vừa làm vừa học (VLVH) của Trường Đại học Hùng Vương (sau đây gọi tắt là Trường).

2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan với công tác tuyển sinh đại học do Trường cấp bằng, không áp dụng đối với công tác tuyển sinh liên kết do các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước cấp bằng.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phạm vi tuyển sinh là các chương trình, ngành, nhóm ngành, lĩnh vực và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo của Trường, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Trường và hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) (sau đây gọi tắt là hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung) và đăng ký dự thi (nếu có), đăng ký xét tuyển theo quy định của Trường.

3. Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại Trường (hoặc xử lý chung theo nhóm cơ sở đào tạo nếu Trường tham gia) để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo, ngành đào tạo, căn cứ các tiêu chí xét tuyển do Trường xác định.

4. Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên hệ thống tuyển sinh của Trường và hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

5. Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu

tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

6. Xét tuyển thẳng là việc công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng theo quy định của Quy chế này và đã đáp ứng yêu cầu về điều kiện dự tuyển nhưng không cần xét tới ngưỡng đầu vào.

7. Tiêu chí đánh giá là những yếu tố được dùng trong kỳ thi, kiểm tra, đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

8. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa trên thành tích học tập hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh; thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên.

9. Điểm trúng tuyển (của một nhóm ngành, một ngành, một chương trình đào tạo) là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành, chương trình đào tạo đó) có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

10. Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là số điểm mà nhóm thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình thường.

11. Kỳ thi tuyển sinh là kỳ thi được tổ chức gắn với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ duy nhất hoặc căn cứ chủ yếu phục vụ xét tuyển.

12. Kỳ thi độc lập là kỳ thi được tổ chức độc lập với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ ở các mức độ khác nhau phục vụ xét tuyển.

13. Kỳ thi bổ trợ là kỳ thi được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh (thi năng khiếu, phỏng vấn, ...) để lấy kết quả làm một căn cứ, một tiêu chí phục vụ xét tuyển.

14. Thi trực tiếp là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tiếp; thí sinh làm bài trên giấy hoặc trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn trước hội đồng.

15. Thi trực tuyến là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tuyến và giám sát bằng công nghệ; thí sinh làm bài trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn qua mạng.

16. Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các cơ sở đào tạo.

17. Cổng thông tin tuyển sinh (của Bộ GD&ĐT) là giao diện web của hệ

thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

18. Cổng thông tin tuyển sinh của Trường là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Trường dành cho tuyển sinh đại học chính quy hoặc đại học vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa.

19. Mã Trường trong tuyển sinh là THV, là một mã số quy ước thống nhất toàn quốc dùng để định danh một cơ sở đào tạo.

20. Mã xét tuyển là một mã số quy ước thống nhất trong Trường dùng để định danh một nhóm ngành, một ngành hoặc một chương trình đào tạo, cùng với phương thức tuyển sinh được áp dụng.

### **Điều 3. Yêu cầu chung trong tuyển sinh**

1. Trường thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trường thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo.

3. Trường phối hợp chặt chẽ dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ GD&ĐT nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của Trường và của toàn hệ thống.

### **Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh**

#### **1. Công bằng đối với thí sinh**

a) Về cung cấp thông tin: Thí sinh được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực; hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về đánh giá năng lực: Thí sinh phải được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo;

d) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những chương trình, ngành đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển;

đ) Về thực hiện cam kết: Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh về các nội dung liên quan công tác tuyển sinh theo quy chế này; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa các cơ sở đào tạo

a) Về hợp tác: Trường đảm bảo hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;

b) Về cạnh tranh: Trường đảm bảo cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Trường có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát;

b) Về trách nhiệm giải trình: Trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về công tác tuyển sinh của Trường.

**Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự tuyển**

**1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:**

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế này;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;

d) Không vi phạm pháp luật đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Đối với một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Trường có quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

4. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển, trong khả năng cho phép Trường xem xét cho theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

**Điều 6. Phương thức tuyển sinh**

1. Hàng năm trong Đề án tuyển sinh, Trường công bố quyết định một hoặc

một số phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển với xét tuyển), áp dụng chung cho cả Trường hoặc áp dụng riêng cho một số chương trình, ngành, lĩnh vực và hình thức đào tạo. Một chương trình, ngành đào tạo có thể sử dụng đồng thời một số phương thức tuyển sinh.

2. Mỗi phương thức tuyển sinh được quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển và cách thức sử dụng kết hợp các tiêu chí để phân loại, xếp hạng và xác định điều kiện trúng tuyển đối với thí sinh theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo. Tiêu chí đánh giá, xét tuyển phải dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình, ngành đào tạo.

3. Đối với phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi theo từng môn (bao gồm điểm tổng kết các môn học cấp THPT, điểm thi các môn tốt nghiệp THPT và các kết quả đánh giá khác):

a) Tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo (có thể tính hệ số cho từng môn), trong đó có môn Toán hoặc Ngữ văn;

b) Một ngành, một chương trình đào tạo có thể sử dụng đồng thời một số tổ hợp môn, HĐTS có thể quy định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp khi xác định điều kiện trúng tuyển và công bố trong thông báo tuyển sinh;

c) Không sử dụng quá 4 tổ hợp xét tuyển cho một ngành, một chương trình đào tạo (trừ trường hợp các tổ hợp môn chỉ khác nhau ở môn ngoại ngữ).

4. Nhà trường xác định chỉ tiêu riêng cho các phương thức xét tuyển:

a) Việc phân bổ chỉ tiêu giữa các phương thức xét tuyển phải có căn cứ hợp lý; không gây mất công bằng cho các thí sinh chọn phương thức xét tuyển khác nhau;

b) Việc thay đổi, bổ sung phương thức xét tuyển phải có căn cứ và lộ trình hợp lý; không làm tỉ lệ phân bổ chỉ tiêu của một phương thức đã sử dụng trong năm trước giảm quá 30% (trong cơ cấu chỉ tiêu của ngành, chương trình đào tạo) trừ trường hợp việc thay đổi, bổ sung đó đã được công bố trước thời điểm mở đăng ký dự tuyển ít nhất 1 năm.

5. Trường hợp Trường tổ chức thi tuyển sinh thì cần thông báo trước ít nhất 1 năm trước khi cho thí sinh đăng ký dự tuyển và tuân thủ tổ chức thi theo các quy định của Bộ GD&ĐT.

6. Phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh CQ hàng năm của Trường được Hội đồng trường thông qua trước khi công bố đề án tuyển sinh.

#### **Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh**

1. Ưu tiên theo khu vực (*theo Phụ lục I kèm theo*)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

## 2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (*theo Phụ lục II kèm theo*)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này}$$

#### **Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển**

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) Trường quyết định.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về âm nhạc, múa, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

d) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

3. HĐTS căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định

dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

4. Trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển khác (được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp) đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

b) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

c) Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

d) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về âm nhạc, múa, mỹ thuật dự tuyển vào các ngành nghệ thuật phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

đ) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành phù hợp với nghề đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

5. Trường quy định cụ thể và công bố trong đề án tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, đối tượng, chi tiêu, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, ngành, chương trình đào tạo để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

#### **Điều 9. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo đại học chính quy**

Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường xác định và thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào cho các ngành và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày, cụ thể:

1. Đối với tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề Trường thực hiện theo quy định và thông báo hàng năm của Bộ GD&ĐT.

2. Đối với tuyển sinh đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, thí sinh đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên và ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề khi:

a) Học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với các ngành Giáo dục thể chất, Sư phạm âm nhạc, Sư phạm mỹ thuật, Điều dưỡng.

3. Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh ngành sư phạm Âm nhạc, Mỹ thuật có điểm thi năng khiếu do Trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) khi đăng ký xét tuyển vào các ngành phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

#### **Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển**

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới Trường trong thời gian được gọi nhập học. Thời gian tối đa được bảo lưu là 3 năm.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của Trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này có thời gian bảo lưu từ 3 năm trở lên, Trường sẽ xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị đại học để ôn tập trước khi vào học chính thức.

### **Điều 11. Đề án tuyển sinh**

1. Hàng năm, Trường xây dựng, công bố và thực hiện đề án tuyển sinh để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Đề án tuyển sinh phải chứa đầy đủ thông tin làm căn cứ để:

a) Thí sinh lựa chọn trường, ngành, chương trình đào tạo, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của Trường;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của đề án tuyển sinh bao gồm (*theo Phụ lục III kèm theo*):

a) Thông tin giới thiệu về Trường, các ngành và chương trình đào tạo, gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, ngôn ngữ đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỉ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp;

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy phải phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GD&ĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành, chương trình đào tạo; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của cơ sở đào tạo.

3. Trường thông báo tuyển sinh kèm theo công bố Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường và qua các hình thức thích hợp khác trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày.

## **Chương II**

### **XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY**

#### **Điều 12. Xây dựng kế hoạch xét tuyển**

1. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT ban hành cho công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy, Trường phối hợp triển khai các quy trình:

a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (gọi tắt là hệ thống trong phạm vi Chương này) và trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Tổ chức xét tuyển tại Trường theo các phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập cấp THPT hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh;

c) Xử lý nguyện vọng trên hệ thống (theo chu trình lặp kết hợp với quy trình xét tuyển tại Trường);

d) Xác nhận nhập học trên hệ thống và nhập học theo thông báo của Trường.

2. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, Trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, kế hoạch xét tuyển sớm đối với một số phương thức tuyển sinh riêng và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

### **Điều 13. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng**

1. Căn cứ đề án tuyển sinh đã công bố, Trường thông báo và tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

2. Cơ sở đào tạo tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố kết quả theo kế hoạch chung.

3. Thí sinh trúng tuyển thẳng có thể xác nhận nhập học sớm (khi đủ điều kiện) theo thông báo của Trường, hoặc theo kế hoạch chung như những thí sinh khác; Trường không yêu cầu bắt buộc thí sinh xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng chưa xác nhận nhập học vẫn được sử dụng quyền đăng ký xét tuyển trên hệ thống chung để có thêm cơ hội trúng tuyển như những thí sinh khác.

### **Điều 14. Tổ chức đăng ký và xét tuyển sớm**

1. Trường có kế hoạch và thông báo xét tuyển sớm đối với một số phương thức tuyển sinh, tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

2. Trường tổ chức xét tuyển cho những thí sinh đã hoàn thành thủ tục dự tuyển, nhưng không yêu cầu thí sinh xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung. Trường công bố và tải danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung, hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống.

3. Thí sinh đã dự tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển sớm sau đó phải tiếp tục đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

a) Trường hợp thí sinh đã được Trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) một nguyện vọng nhất định, thí sinh tự quyết định việc đặt thứ tự ưu tiên nguyện vọng khi đăng ký trên hệ thống (tùy thuộc thí sinh muốn được công nhận trúng tuyển nguyện vọng đó hay muốn mở rộng cơ hội trúng tuyển nguyện vọng khác).

b) Trường hợp không đủ điều kiện trúng tuyển vào một ngành đào tạo theo nguyện vọng, thí sinh vẫn có thể tiếp tục đăng ký ngành đào tạo đó theo phương thức tuyển sinh khác trên hệ thống.

#### **Điều 15. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung**

1. Bộ GDĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của Trường. Thời gian đăng ký bắt đầu sau kỳ thi tốt nghiệp THPT và kết thúc sau khi có kết quả thi và xét tốt nghiệp THPT.

2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy (bao gồm cả những thí sinh đã dự tuyển theo kế hoạch xét tuyển sớm của Trường) thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Công thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Công dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

3. Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, nhiều trường khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh (theo hướng dẫn của Bộ GDĐT) như: Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất); Lựa chọn về Trường, đơn vị tuyển sinh (mã trường); Lựa chọn ngành, nhóm ngành, chương trình đào tạo (mã ngành); Lựa chọn phương thức tuyển sinh (mã phương thức); Lựa chọn tổ hợp xét tuyển (mã tổ hợp) đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi theo bài thi/môn thi, hoặc phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT; ...

#### **Điều 16. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung**

1. Trường tự chủ tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng, hoặc tự nguyện phối hợp theo nhóm để tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung. Bộ GDĐT hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên hệ thống.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống, Trường tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống xét tuyển chung của Bộ GDĐT để phục vụ xét tuyển, bao gồm dữ liệu đăng ký nguyện vọng và kết quả thi tốt nghiệp THPT, kết

quả học tập cấp THPT của những thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo theo các phương thức tuyển sinh.

### 3. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành, chương trình đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một ngành đào tạo (hoặc một chương trình đào tạo) theo một phương thức và tổ hợp môn, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng theo điểm xét không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;

c) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Trường tải lên hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh). Hệ thống xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường lặp lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Trường quyết định điểm trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo.

6. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường (hoặc của nhóm cơ sở đào tạo phối hợp xét tuyển).

### **Điều 17. Thông báo kết quả, xác nhận nhập học và nhập học**

1. Trường gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

2. Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống, trước khi nhập học tại Trường.

3. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

4. Thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học được xếp vào lớp sinh viên có cùng ngành/chương trình, cùng năm/đợt/khoá tuyển sinh.

#### **Điều 18. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung**

1. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào các ngành, chương trình đào tạo, hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển đối với các ngành, chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

#### **Điều 19. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển**

##### **1. Trách nhiệm của thí sinh**

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Trường mà mình dự tuyển được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

## 2. Trách nhiệm của Trường

- a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;
- b) Quy định (hoặc thống nhất với Trường khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;
- c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một ngành, chương trình đào tạo hay theo một phương thức tuyển sinh của Trường mà không đủ điều kiện;
- d) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo đề án tuyển sinh đã công bố;
- đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;
- e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật.

## Chương III

### TUYỂN SINH ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG (VỪA LÀM VỪA HỌC)

#### Điều 20. Xây dựng kế hoạch, đăng ký xét tuyển và xét tuyển

- 1. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh cả năm và từng đợt.
- 2. Căn cứ đề án tuyển sinh đã công bố, Trường thông báo và tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển/nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.
- 3. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký dự tuyển/nộp hồ sơ, Trường tổ chức xét tuyển theo các quy định hiện hành.
- 4. Đối tượng tuyển sinh: Người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT; người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục; người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên.

#### Điều 21. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

- 1. Đối với các ngành đào tạo giáo viên:
  - a) Đối tượng đã được tuyển sinh hoặc đã tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07/5/2020, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào quy định như sau:

- Phương thức 1: Dựa vào kết quả học tập các môn học THPT. Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển (chưa tính điểm ưu tiên) đạt 16,0 trở lên.

- Phương thức 2: Dựa vào kết quả học tập hệ trung cấp, cao đẳng, đại học. Điểm trung bình chung học tập hệ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học đạt 5,0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); hoặc quy đổi điểm dựa trên xếp loại tốt nghiệp theo thang điểm 10: xếp loại Trung bình: 5,0; Trung bình Khá: 6,0; Khá: 7,0; Giới-Xuất sắc: 8,0.

b) Đối tượng đã được tuyển sinh hoặc đã tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên sau ngày 07/5/2020, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào quy định như sau:

- Đạt một trong các tiêu chí sau: Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên. Hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

- Đối với các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục Thể chất, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ngành đào tạo phải đạt một trong các tiêu chí sau: Học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên hoặc tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại khá và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

## 2. Nhóm ngành đào tạo khác:

a) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập hệ trung cấp, cao đẳng, đại học: Điểm trung bình chung học tập hệ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học đạt 5,0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); hoặc quy đổi điểm dựa trên xếp loại tốt nghiệp theo thang điểm 10: Xếp loại Trung bình: 5,0; Trung bình Khá: 6,0; Khá: 7,0; Giới-Xuất sắc: 8,0.

b) Riêng các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề đạt một trong các tiêu chí sau: Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên. Hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo

## **Điều 22. Thông báo kết quả và tổ chức nhập học**

1. Trường gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

2. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

### **Điều 23. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển**

#### **1. Trách nhiệm của thí sinh**

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Trường sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

#### **2. Trách nhiệm của Trường**

a) Quy định (hoặc thống nhất với các cơ sở liên kết đào tạo) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

b) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một ngành, chương trình đào tạo hay theo một phương thức tuyển sinh của cơ sở đào tạo mà không đủ điều kiện;

c) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo đề án tuyển sinh đã công bố;

d) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

đ) Khi sinh viên trúng tuyển đến trường nhập học, Trường cử cán bộ thu nhận hồ sơ theo quy định. Sau khi đổi chiếu kiểm tra bản chính học bạ, văn bằng tốt nghiệp, bảng điểm hệ trung cấp, cao đẳng; giấy khai sinh và các giấy tờ xác nhận khu vực, đối tượng ưu tiên của thí sinh, cán bộ tiếp nhận hồ sơ ghi vào các giấy tờ nói trên: ngày, tháng, năm, "đã đổi chiếu bản chính" rồi ghi rõ họ tên và ký. Trong quá trình thu nhận hồ sơ hoặc trong thời gian sinh viên đang theo học tại trường, nếu phát hiện hồ sơ giả mạo thì báo cáo Hiệu trưởng xử lý theo quy định.

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật.

## Chương IV

### QUY ĐỊNH TỔ CHỨC THI NĂNG KHIẾU

#### Điều 24. Đối tượng áp dụng

1. Quy định áp dụng đối với thi năng khiếu các ngành đại học hệ chính quy của Trường Đại học Hùng Vương bao gồm các ngành: Giáo dục Mầm non, Giáo dục thể chất, Sư phạm Mỹ thuật, Sư phạm Âm nhạc, Thiết kế đồ họa.

2. Quy định về các khâu trong quá trình tổ chức thi năng khiếu, bao gồm: công tác chuẩn bị cho kỳ thi; tổ chức ra đề thi; tổ chức coi thi; tổ chức chấm thi; quy định báo cáo và lưu trữ; xử lý các sự cố bất thường và xử lý vi phạm trong kỳ thi.

#### Điều 25. Mục đích, yêu cầu

1. Thi năng khiếu để lấy kết quả cùng với kết quả điểm môn văn hóa, điểm các bài thi theo quy định trong đề án tuyển sinh hiện hành của trường làm căn cứ xét thí sinh trúng tuyển.

2. Thi năng khiếu đảm bảo các yêu cầu: nghiêm túc, khách quan, công bằng, đúng quy chế.

#### Điều 26. Tổ chức thi năng khiếu trong tuyển sinh

1. Trường tổ chức thi năng khiếu bao gồm các môn thi năng khiếu theo từng ngành đào tạo có tổ hợp môn xét tuyển năng khiếu để tuyển sinh.

2. Để tổ chức thi năng khiếu, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh nhà trường ra quyết định thành lập các Ban giúp việc thực hiện chức năng tổ chức thi năng khiếu gồm:

a) Ban đề thi năng khiếu

b) Ban coi, chấm thi năng khiếu

c) Ban cơ sở vật chất phục vụ thi năng khiếu

d) Ban thư ký thi năng khiếu

3. Thành phần của các Ban giúp việc gồm có:

a) Trưởng ban: Là thành viên của Hội đồng tuyển sinh của trường.

b) Ủy viên: Là cán bộ giảng viên có năng lực chuyên môn trong công tác tổ chức thi năng khiếu.

c) Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự kỳ thi năng khiếu của trường không được tham gia các ban giúp việc trong năm đó.

#### Điều 27. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban giúp việc

1. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ra quyết định thành lập các Ban giúp việc thi năng khiếu để điều hành các công việc liên quan đến công tác thi năng khiếu.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của các ban giúp việc: Tổ chức thực hiện và

chịu trách nhiệm về công tác thi năng khiếu. Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác thi năng khiếu. Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan có trách nhiệm về công tác thi năng khiếu của trường.

### 3. Ban đề thi năng khiếu

a) Thành phần gồm: Trưởng ban, phó trưởng ban, các ủy viên và lực lượng bảo vệ. Các cán bộ soạn thảo đề thi và phản biện đề thi là giảng viên của trường. Mỗi môn thi có một tổ ra đề thi gồm Trưởng môn đề thi và các cán bộ soạn thảo đề thi.

b) Nguyên tắc làm việc: Các tổ ra đề thi và các thành viên khác của Ban đề thi năng khiếu làm việc độc lập và trực tiếp với Trưởng ban; người được giao nhiệm vụ nào, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đó. Mỗi thành viên của Ban đề thi năng khiếu phải chịu trách nhiệm cá nhân về nội dung, đảm bảo bí mật, an toàn của đề thi.

c) Nhiệm vụ: Tổ chức soạn thảo ngân hàng các đề thi, hướng dẫn chấm thi của đề chính thức và đề dự bị. In sao đề thi đúng quy định, đủ số lượng theo yêu cầu, đóng gói, bảo quản đề thi và bàn giao đề thi đúng quy định. Đảm bảo tuyệt đối bí mật, an toàn của đề thi và hướng dẫn chấm thi trong khu vực ra đề thi.

#### d) Quyền hạn:

- Trưởng ban đề thi năng khiếu tổ chức điều hành toàn bộ công tác ra đề thi và bàn giao đề thi cho Ban coi, chấm thi. Trực tiếp xử lý các tình huống bất thường về đề thi.

- Các thành viên: Thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban đề thi năng khiếu.

### 4. Ban coi, chấm thi năng khiếu

a) Thành phần gồm: Trưởng Ban, phó trưởng ban, các ủy viên, cán bộ phục vụ và lực lượng công an, bảo vệ. Các ủy viên gồm Trưởng môn chấm thi, cán bộ coi thi và cán bộ chấm thi (CBChT) là cán bộ, giảng viên có năng lực chuyên môn tốt, đang trực tiếp giảng dạy ngành đào tạo. Mỗi môn thi phải có ít nhất 3 CBChT. Những giảng viên đang trong thời kỳ tập sự và thành viên Ban Thư ký thi năng khiếu, Ban đề thi năng khiếu không được coi, chấm thi năng khiếu.

#### b) Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Trưởng ban coi, chấm thi năng khiếu chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh của trường về thời gian, quy trình và chất lượng coi, chấm thi năng khiếu.

- Phó trưởng Ban coi, chấm thi năng khiếu thực hiện các công việc theo sự phân công của Trưởng ban.

- Trưởng môn chấm thi năng khiếu chịu trách nhiệm trước Trưởng ban coi,

chấm thi năng khiếu về việc chấm các bài thi thuộc môn được giao phụ trách.

- Cán bộ coi thi, CBChT tuân thủ sự điều hành trực tiếp của Trưởng môn chấm thi năng khiếu theo đúng các quy định của quy chế thi.

#### 5. Ban Thư ký thi năng khiếu

a) Thành phần gồm: Trưởng ban và các ủy viên là cán bộ, giảng viên đang làm việc tại các khoa chuyên môn, phòng và các trung tâm.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn: Trưởng Ban Thư ký thi năng khiếu chịu trách nhiệm trước Hội đồng tuyển sinh điều hành công tác của Ban Thư ký thi năng khiếu thực hiện các nội dung gồm:

- Chuẩn bị văn bản, tài liệu cho thi năng khiếu.
- Giúp việc cho tiểu ban chấm thi năng khiếu.
- Quản lý các tài liệu liên quan tới bài thi.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

#### 6. Ban cơ sở vật chất phục vụ thi năng khiếu

a) Thành phần gồm: Trưởng Ban và các ủy viên là cán bộ Văn phòng hoặc một số cán bộ các phòng, ban, trung tâm khác.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn: Trưởng ban Cơ sở vật chất phục vụ thi năng khiếu chịu trách nhiệm trước Hội đồng tuyển sinh điều hành công tác của Ban Cơ sở vật chất phục vụ thi năng khiếu thực hiện các nội dung gồm:

- Chuẩn phòng thi, khu vực thi năng khiếu, khu vực làm đề thi.
- Chuẩn bị cơ sở vật chất, văn phòng phẩm cho kỳ thi.

### **Điều 28. Quy định môn thi năng khiếu**

#### 1. Ngành Sư phạm Âm nhạc

- Năng khiếu âm nhạc 1: Thảm âm tiết tấu
- Năng khiếu âm nhạc 2: Thanh nhạc

#### 2. Ngành Thiết kế đồ họa, Sư phạm Mỹ thuật

Năng khiếu mỹ thuật: Hình họa chì

#### 3. Ngành Giáo dục Thể chất

Năng khiếu GDTC: gồm các nội dung Bật xa tại chỗ và Chạy 100m, các thí sinh phải kiểm tra thể hình theo quy định.

#### 4. Ngành Giáo dục Mầm non

- Đối với thí sinh sử dụng tổ hợp xét tuyển gồm 2 môn năng khiếu và 1 bài thi/môn thi khác; 2 môn năng khiếu gồm:

- + Năng khiếu Mầm non 1: Hát
- + Năng khiếu Mầm non 2: Đọc, kể diễn cảm

- Đối với thí sinh sử dụng tổ hợp xét tuyển gồm 1 môn năng khiếu và 2 bài thi/môn thi khác:

Năng khiếu Mầm non: Hát + Đọc, kể diễn cảm.

#### **Điều 29. Ngày thi, lịch thi**

Ngày thi, lịch thi và thời gian làm bài thi của mỗi môn thi được thông báo cụ thể trong kế hoạch, thông báo tuyển sinh hằng năm của trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 30. Yêu cầu về nội dung đề thi**

##### **1. Yêu cầu của đề thi**

a) Đề thi tuyển sinh năng khiếu phải đạt được các yêu cầu về kiểm tra những kiến thức, kỹ năng, năng khiếu cơ bản và kỹ năng thực hành của thí sinh.

b) Nội dung đề thi phải đảm bảo tính chính xác, tính khoa học và phù hợp với trình độ chung của thí sinh.

##### **2. Quy định về hình thức thi, thang điểm, nội dung thi**

###### **a) Thi năng khiếu Ngành Sư phạm Âm nhạc**

- Hình thức thi: Thi thực hành.

- Thang điểm: Tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến hai chữ số thập phân).

- Môn năng khiếu âm nhạc 1: Thảm âm tiết tấu theo yêu cầu của đề thi.

- Môn năng khiếu âm nhạc 2: Hát theo yêu cầu của đề thi.

###### **b) Thi năng khiếu Ngành Thiết kế đồ họa, Sư phạm Mỹ thuật**

- Hình thức thi: Thi thực hành vẽ hình họa chì.

- Thang điểm: Tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến hai chữ số thập phân).

- Môn thi năng khiếu: Thí sinh sử dụng bút chì vẽ tượng chân dung thạch cao hoặc chân dung người thật theo yêu cầu của đề thi trên khổ giấy qui định của Hội đồng thi.

###### **c) Thi năng khiếu Ngành Giáo dục thể chất**

- Hình thức thi: Thi thực hành 02 nội dung: Bật xa tại chỗ và chạy 100m.

Trước khi thi, các thí sinh được kiểm tra thể hình.

- Điểm thi năng khiếu ngành Giáo dục thể chất tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến hai chữ số thập phân) theo công thức sau.

$$\text{Điểm chạy } 100\text{m} + \text{Điểm Bật xa}$$

*Điểm thi =*

2

- Nội dung thi Bật xa tại chỗ: Thí sinh thực hiện 2 lần, lấy thành tích cao nhất. Thí sinh thực hiện đứng tại chỗ bằng 2 chân trên ván giậm nhảy (không vượt qua mép trên của ván) và bật về phía trước (rơi xuống hố cát bằng 2 chân), xác định thành tích từ điểm rơi gần nhất cho tới mép trên của ván giậm nhảy

(thước đo vuông góc với ván).

- Nội dung thi chạy 100m: Thí sinh thực hiện 1 lần ở tư thế xuất phát cao (hoặc thấp) theo ô chạy.

- Nội dung kiểm tra thể hình: Kiểm tra chiều cao, cân nặng, thể hình của thí sinh (cột sống, tay, chân, bàn chân) và các khuyết tật khác. Không tuyển các thí sinh:

+ Nam: chiều cao < 1m60, cân nặng < 40Kg.

+ Nữ: chiều cao < 1m50, cân nặng < 35Kg.

(Thang điểm các nội dung thi năng khiếu ngành Giáo dục thể chất được Ban đê quy định cụ thể theo các đợt thi).

d) Thi năng khiếu Ngành Giáo dục Mầm non

- Hình thức thi: Thi vấn đáp, thực hành.

- Điểm thi năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non tính theo thang điểm 10 (làm tròn đến hai chữ số thập phân).

- Môn thi Năng khiếu Mầm non 1: Thí sinh hát theo yêu cầu của đề thi.

- Môn Thi Năng khiếu Mầm non 2: Thí sinh bốc thăm ngẫu nhiên một đoạn văn, một đoạn thơ, một câu truyện trong bộ đề thi để đọc, kể diễn cảm.

- Năng khiếu Mầm non: Thí sinh thi các nội dung của 2 môn thi: Năng khiếu Mầm non 1 và Năng khiếu Mầm non 2. Điểm thi Năng khiếu Mầm non là điểm trung bình cộng của điểm thi Năng khiếu Mầm non 1 và điểm thi Năng khiếu Mầm non 2.

### **Điều 31. Quy trình ra đề thi**

Thực hiện theo các bước sau:

1. Tùy theo điều kiện cụ thể, Trưởng Ban đê thi năng khiếu chỉ định một số giảng viên có tinh thần trách nhiệm cao và trình độ chuyên môn giỏi tham gia giới thiệu đề thi. Trong thời gian quy định, người giới thiệu đê phải nộp đê giới thiệu cho Trưởng Ban đê thi năng khiếu và thực hiện chế độ bảo mật.

2. Theo kế hoạch làm việc của Ban đê thi, Trưởng Ban đê thi năng khiếu làm việc trực tiếp và độc lập lần lượt với Trưởng môn thi với sự có mặt của Phó trưởng Ban đê thi năng khiếu.

Trên cơ sở những đề đã được giới thiệu, Trưởng môn thi lựa chọn các câu hỏi từ những đề khác nhau xây dựng thành các đề mới. Sau đó biên soạn đáp án và thang điểm chi tiết cho các đề thi rồi trình Trưởng Ban đê thi năng khiếu xem xét.

Trưởng Ban đê thi năng khiếu cho ý kiến và yêu cầu Trưởng môn thi hoàn thiện lần cuối, ký tên vào bản gốc và giao lại cho Trưởng Ban đê thi năng khiếu.

3. Trưởng Ban đê thi năng khiếu tổ chức phản biện đề thi với người phản

biện. Người làm phản biện không tiếp xúc với người ra đề, không mang bất kỳ tài liệu nào, không có đáp án, thang điểm sau đó đề xuất ý kiến bằng văn bản với Trưởng môn thi về nội dung đề thi, đáp án, thang điểm, độ khó, độ dài của đề.

Sau đó dưới sự chủ trì của Trưởng môn thi phải họp lại để thống nhất ý kiến (có ghi biên bản) về những điểm cần sửa chữa, bổ sung.

Trưởng Ban đề thi nồng khiếu tổ chức chọn một trong các đề làm đề thi chính thức, đề thi dự phòng.

Toàn bộ các đề thi do giảng viên giới thiệu và các đề thi do Trưởng môn thi biên soạn cùng đáp án, thang điểm và các tài liệu liên quan đều do Trưởng Ban đề thi nồng khiếu cất giữ theo chế độ bảo mật.

4. Trưởng Ban đề thi nồng khiếu chỉ đạo việc đánh máy, in sao, đóng gói, bảo quản đề thi chính thức và đề dự phòng.

### **Điều 32. Tổ chức làm thủ tục dự thi cho thí sinh**

1. Căn cứ dữ liệu thí sinh đăng ký dự thi, Ban Thư ký thi nồng khiếu hoàn thành danh sách thí sinh (kể cả Danh sách ảnh của thí sinh) của từng phòng thi; làm Thẻ dự thi; xác định địa điểm làm thủ tục dự thi cho thí sinh.

2. Trong ngày làm thủ tục dự thi, theo lịch đã công bố, Trưởng điểm thi phân công cán bộ hướng dẫn thí sinh làm thủ tục dự thi; phổ biến quy chế thi; ghi xác nhận những sai sót (về họ, tên, đối tượng, hộ khẩu thường trú, khu vực...) của thí sinh và chuyển về Ban Thư ký thi nồng khiếu xem xét, hiệu chỉnh theo quy định.

### **Điều 33. Trách nhiệm của thí sinh trong kỳ thi**

1. Thí sinh phải có mặt tại phòng thi đúng thời gian quy định.

2. Khi vào phòng thi, thí sinh phải tuân thủ các quy định sau đây:

- Chỉ được mang vào phòng thi các tài liệu, vật dụng được phép theo quy định.

- Trước khi làm bài thi phải ghi đầy đủ các thông tin như họ tên, số báo danh vào giấy thi, phiếu chấm nồng khiếu theo quy định của Hội đồng tuyển sinh.

### **Điều 34. Quy trình chấm thi**

Việc chấm thi vấn đáp, thực hành thực hiện theo quy trình kèm theo của Ban thư ký thi nồng khiếu xây dựng dựa trên các nội dung và yêu cầu của các môn thi.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 35. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh**

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học (HĐTS) theo từng hình thức đào tạo để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của HĐTS gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;

c) Uỷ viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Đào tạo đối với tuyển sinh đại học chính quy; Giám đốc hoặc Phó giám đốc Trung tâm hợp tác đào tạo, truyền thông và Hỗ trợ sinh viên đối với tuyển sinh đại học liên thông, vừa làm vừa học;

d) Các uỷ viên: Một số Trưởng phòng, Trưởng khoa chuyên môn và chuyên viên phụ trách tuyển sinh và chuyên viên công nghệ thông tin.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào Trường không được tham gia HĐTS của Trường và các ban giúp việc HĐTS của Trường trong năm đó.

### 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS

a) Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ thông qua Đề án tuyển sinh do Hiệu trưởng thành lập Ban soạn thảo biên soạn và công bố hàng năm theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

b) Các HĐTS theo từng hình thức đào tạo có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

i. Tổ chức tuyển sinh theo đề án và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của Trường.

ii. Tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, chủ động giải quyết các rủi ro đã đưa ra trong đề án tuyển sinh của Trường; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

iii. Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống chậm nhất 30 ngày sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học (đối với tuyển sinh đại học chính quy); báo cáo những nội dung theo quy định của Quy chế này, báo cáo tình hình tuyển sinh và kết quả tuyển sinh theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

iv. Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của Ngành Giáo dục. Nếu tổ chức thi tuyển sinh thì phải bảo quản danh sách phòng thi, bài thi của thí sinh, hồ sơ và kết quả chấm thi theo thời hạn quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT.

- v. Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;
- vi. Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS:

- a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường;
- b) Thành lập các Ban giúp việc cho HĐTS để triển khai công tác tuyển sinh;
- c) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐTS; Uỷ quyền cho các Phó Chủ tịch HĐTS thực hiện các nhiệm vụ trong quá trình tuyển sinh khi cần.

**Điều 36. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS**

- 1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS gồm có:
  - a) Trưởng ban do Uỷ viên thường trực HĐTS Trường kiêm nhiệm;
  - b) Các uỷ viên: một số chuyên viên phòng, ban, trung tâm, khoa chuyên môn và cán bộ công nghệ thông tin.
- 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS:

- a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian, hình thức và địa điểm đăng ký xét tuyển hoặc dự thi (nếu có) trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;
- b) Tổ chức kiểm tra hồ sơ của thí sinh dự tuyển và trúng tuyển theo quy định;
- c) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh và Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT tất cả các thông tin tuyển sinh của Trường theo quy định để thực hiện xét tuyển trên hệ thống (đối với tuyển sinh đại học chính quy);
- d) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;
- e) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển và gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh;
- f) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban thư ký theo quy định của Quy chế thi tốt nghiệp THPT và xét công nhận tốt nghiệp THPT nếu thực hiện thi tuyển;
- g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

**Điều 37. Xử lý vi phạm**

- 1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi tuyển sinh (nếu có) được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GD&ĐT.
- 2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào Trường trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.
- 3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là công chức, viên chức của Trường tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử

lý kỷ luật viên chức, công chức.

### **Điều 38. Khen thưởng**

Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh khen thưởng hoặc đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng:

1. Những cá nhân, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
2. Những cá nhân, đơn vị có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh.

### **Điều 39. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, thay thế các quy chế, quy định có liên quan trước đây của Trường về công tác tuyển sinh đại học.

2. Trưởng phòng Đào tạo; Giám đốc Trung tâm Hợp tác đào tạo, truyền thông và hỗ trợ sinh viên; Trưởng các đơn vị và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Hàng năm, Quy chế này được bổ sung, sửa đổi, cập nhật theo quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về phòng Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.

---

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Hùng Vương  
 ban hành kèm theo Quyết định số 106/QĐ-DHHV ngày 15/10/2023  
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

HÙNG VƯƠNG

**Phụ lục I. Phân chia khu vực tuyển sinh \***

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

**Phụ lục II. Đối tượng chính sách ưu tiên**

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm UT1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tinh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

<b>Đối tượng</b>	<b>Mô tả đối tượng, điều kiện</b>
	đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<b>Nhóm UT2</b>	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Trưởng đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nòng cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nòng cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GD&ĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu Thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Được đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

### Phụ lục III. Đề án tuyển sinh

UBND TỈNH PHÚ THỌ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM .....

#### I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Hùng Vương**
2. Mã trường: **THV**
3. Địa chỉ các trụ sở: Đường Nguyễn Tất Thành – Phường Nông Trang – TP. Việt Trì – Tỉnh Phú Thọ.
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <https://www.hvu.edu.vn>
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:
7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường:

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Lĩnh vực...					
Tên ngành					
Tên ngành					
...					
Lĩnh vực...					
...					
Tổng					

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường:

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm ... (Ví dụ: 2021)			Năm ... (Ví dụ: 2022)		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	Lĩnh vực 1/nhóm ngành/ngành - Ngành 1 Tổ hợp 1:							

	Tổ hợp 2: Tổ hợp 3: ..... - Ngành 2 - Ngành 3 - Ngành 4 .....							
2.	Lĩnh vực 2/nhóm ngành/ngành							
3.	Lĩnh vực 3/nhóm ngành/ngành							
4.	.....							
	<b>Tổng</b>							

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường:

T T	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Nă m bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.									
2.									
3.									
...									

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của TRƯỜNG: .....

(Mẫu kèm theo)

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của TRƯỜNG: .....

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo<sup>1</sup> trên trang thông tin điện tử của TRƯỜNG: .....

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của TRƯỜNG:

<sup>1</sup> Thực hiện từ năm 2023

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của TRƯỜNG: .....

## **II. Tuyển sinh đào tạo chính quy**

### **1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)**

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển <sup>2</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1.														

1.5. Nguồn đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Việc TRƯỜNG thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường;

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh.

<sup>2</sup> Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

#### 1.15. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

## **2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên**

- 1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.
  - 1.2. Phạm vi tuyển sinh.
  - 1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).
  - 1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

### 1.5. Nguõng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

#### 1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

#### 1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Việc TRƯỞNG thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

### 1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

### **III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm**

Dường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của TRƯỜNG:.....

## 1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

- ### 1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

- ### 1.2. Phạm vi tuyển sinh.

- 1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

- 1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tư	Năm bắt đầu đào tạo
-----	------------------	--------------------	---------------------	--------------------------	---------------------------	--------------------	-------------------------	-------------------------	---	---------------------

								văn bản	chủ ban hành	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.										
2.										

1.5. Nguồn đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Việc TRƯỜNG thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

## 2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLTH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.										
2.										

1.5. Nguồn đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Việc TRƯỞNG thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh . trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

**Cán bộ kê khai  
(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên  
hệ, địa chỉ Email)**

*Ngày.....tháng .....năm 202....*

**HIỆU TRƯỞNG**

Mẫu kèm Đè án tuyển sinh

**CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

**1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/..... (Người học)**

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>		
1	Tiến sĩ		
1.1	Lĩnh vực....		
1.1.1	Ngành....		
2	Thạc sĩ		
2.1	Lĩnh vực...		
2.1.1	Ngành....		
B	<b>ĐẠI HỌC</b>		
3	Đại học chính quy		
3.1	Chính quy		
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.1.1	Lĩnh vực ...		
3.1.1.1.1	Ngành...		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		
3.1.2.1	Lĩnh vực ...		
3.1.2.1.1	Ngành...		
3.2	Đổi tượng từ trung cấp lên đại học		
3.2.1	Lĩnh vực...		
3.2.1.1	Ngành...		
3.3	Đổi tượng từ cao đẳng lên đại học		
3.3.1	Lĩnh vực...		
3.3.1.1	Ngành....		
3.4	Đào tạo đổi với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
3.4.1	Lĩnh vực...		
3.4.1.1	Ngành....		
4	Đại học vừa làm vừa học		
4.1	Vừa làm vừa học		
4.1.1	Lĩnh vực...		
4.1.1.1	Ngành...		
4.2	Đổi tượng từ trung cấp lên đại học		
4.2.1	Lĩnh vực...		
4.2.1.1	Ngành....		
4.3	Đổi tượng từ cao đẳng lên đại học		
4.3.1	Lĩnh vực...		
4.3.1.1	Ngành...		
4.4	Đào tạo đổi với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4.2.1	Lĩnh vực...		
4.2.1.1	Ngành....		
5	Từ xa		
5.1	Lĩnh vực...		
5.1.1	Ngành...		

## 2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường (ha):

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có):

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo		
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ		
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ		
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ		
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ		
1.5.	Số phòng học đa phương tiện		
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo		
2.	Thư viện, trung tâm học liệu		
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập		
	Tổng		

2.2 Các thông tin khác

## 3. Danh sách giảng viên

### 3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại họ
1.	Trần Văn A	GS	TS	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	Ngôn ngữ Anh
2.	....					
	<b>Tổng số giảng viên toàn trường</b>					

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1.	Trần Văn A		GS	TS	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	Ngôn ngữ Anh
2.	...						
	<b>Tổng số giảng viên toàn trường</b>						